CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI DIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

I./ THÔNG TIN CHUNG:

1./ Thông tin khái quát:

- Tên công ty đầy đủ: **Công ty Cổ phần Du Lịch và Thương mại DIC.**
- Tên giao dịch: Tourist and Trade DIC Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: DIC T & T.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500592920 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà rịa – Vũng tàu cấp lần đầu ngày 27/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/04/2016.
- Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần: 112.943.230.000 đồng Việt Nam (VND)
- Trụ sở chính: 169 đường Thùy Vân, TP Vũng tàu, tỉnh Bà rịa – Vũng tàu.
- Điện thoại: 064 3525275 Fax: +84 64 3525274
- Website: www.dictt.com.vn
- Mã cổ phiếu: DCD

2./ Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngành nghề kinh doanh:

  - Kinh doanh khách sạn, du lịch; Vận chuyển hành khách đường thủy, đường bộ; Vận chuyển hành khách du lịch đường bộ; Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành trong nước và nước ngoài;
  - Kinh doanh thương mại, hàng hóa dùng cho sản xuất và tiêu dùng;
  - Đại lý bán vé máy bay, tàu hoả, tàu cánh ngầm.

- Địa bàn kinh doanh của Công ty: Tỉnh Bà rịa – Vũng tàu và khu vực Miền Đông, Miền Tây Nam bộ.

- Các mốc thời gian và sự kiện chính :

+ Tiền thân của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC là Nhà nghỉ Bộ Xây dựng tại TP. Vũng tàu. Nhà nghỉ Bộ Xây dựng được thành lập ngày 26/05/1990 với nhiệm vụ ban đầu của Nhà nghỉ là kinh doanh dịch vụ du lịch và làm công tác điều dưỡng theo kế hoạch của Bộ Xây dựng giao.

+ Quá trình hoạt động kinh doanh từ năm 1990 - 2001, Nhà nghỉ Bộ Xây dựng lần lượt được đổi tên thành Khách sạn Thùy Vân, Khách sạn Vũng tàu Cap Saint Jacques.

+ Ngày 08/04/2003, Công ty DIC Du lịch 100% vốn nhà nước được thành lập trên cơ sở tổ chức lại 03 đơn vị trực thuộc của Công ty Đầu tư Phát triển – Xây dựng là: Khách sạn Vũng tàu, Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Du lịch và Khách sạn Thủy Tiên.

+ Năm 2005- 2006, Công ty DIC Du lịch tiến hành đầu tư mới và đưa vào hoạt động Khách sạn DIC Star với 88 phòng ngủ tiêu chuẩn 04 sao nằm trong khuôn viên đất của Khách sạn Vũng tàu Cap Saint Jacques.

+ Ngày 27/07/2007, Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC (DIC T&T) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty DIC Du lịch thuộc Công ty Đầu tư Phát triển – Xây dựng.

+ Ngày 20/11/2009: Chốt danh sách cổ đông để đăng ký lưu ký tập trung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.

+ Ngày 28/09/2011, hoàn thành việc phát hành thêm cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Công ty từ 75.000.000.000 đồng lên 112.943.230.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2011.

- Tình hình hoạt động SXKD 2007-2015:

+ Ổn định tổ chức, xác định chiến lược kinh doanh.

+ Tập trung hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật, củng cố và hoàn thiện chất lượng các sản phẩm, dịch vụ đã có.

+ Từng bước nghiên cứu và triển khai thêm các sản phẩm dịch vụ mới.

+ Đầu tư nâng cấp Đợt 1 Khách sạn Vũng tàu, Khách sạn DIC Star để đề nghị Tổng Cục Du lịch xem xét nâng hạng và cấp sao cho cụm khách sạn.

+ Ngày 23/07/2008 Tổng Cục trưởng Tổng cục Du lịch ban hành Quyết định số 150/QĐ-TCDL công nhận Cụm Khách sạn DIC Star – Vũng tàu đạt tiêu chuẩn 04 sao cấp quốc gia.

+ Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật Cụm Khách sạn DIC Star – Vũng tàu và Xí nghiệp DIC Du lịch Biển để tương xứng với tiêu chuẩn cụm khách sạn 04 sao.

+ Triển khai nghiên cứu đầu tư Khu dịch vụ Biển 05 sao tại Khu vực Bãi biển Vũng tàu Cap Saint Jacques thuộc Xí nghiệp DIC Du lịch Biển.

3./ Mô hình quản trị, tổ chức sản xuất kinh doanh và bộ máy quản lý:

a./ Cơ cấu tổ chức của Công ty:

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 16 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn;
- Luật và các quy định khác có liên quan;
- Điều lệ của Công ty Cổ Phần Du lịch và Thương mại DIC do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**** Đại hội đồng cổ đông***

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có quyền thảo luận và thông qua:

- Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- Báo cáo tài chính hàng năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của HĐQT;
- Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán;
- Quyết định bầu và bãi miễn nhiệm hoặc thay thế thành viên HĐQT, BKS;

- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

- Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua bán có giá trị từ 50% trở lên so với tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- Quyết định việc Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần đã phát hành;

- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

**** Hội đồng quản trị***

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, bao gồm 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà không được ủy quyền. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;

- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;

- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

**** Ban kiểm soát:***

BKS của Công ty gồm 03 thành viên, là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Nhiệm kỳ của BKS là 5 năm. Ban kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ:

- Giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty;

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác của HĐQT;

- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

** Giám đốc Công ty:*

- Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh và thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Giám đốc có nhiệm vụ:

- Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

** Các phòng ban trong Công ty:*

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC bao gồm 03 Phòng chức năng và các đơn vị chuyên môn. Các phòng ban thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc được hiệu quả và đúng pháp luật. Cụ thể:

a. Phòng Tổ chức hành chính:

Phòng Tổ chức hành chính là bộ phận chức năng giúp việc cho Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực tổ chức, cán bộ, quản lý lao động, tiền lương và các chế độ chính sách liên quan đến người lao động theo quy định của pháp luật và các công việc liên quan đến lĩnh vực hành chính quản trị cơ quan trong phạm vi Công ty. Phòng Tổ chức hành chính có nhiệm vụ:

- Xây dựng trình Giám đốc phương án, đề án tổng thể về bộ máy tổ chức, nhân sự của các phòng, ban Công ty, các đơn vị chuyên môn;

- Xây dựng, trình Giám đốc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, bộ máy tổ chức, biên chế, quy chế làm việc của các phòng ban Công ty, các đơn vị chuyên môn;

- Xây dựng kế hoạch, phương án tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng lao động để đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị;

- Xây dựng đơn giá tiền lương chung và đơn giá tiền lương cho từng đơn vị trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Xây dựng các quy chế, quy định, trong lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động, nội quy cơ quan;

- Thực hiện việc quản lý hồ sơ của người lao động, lưu trữ các hồ sơ, tài liệu, công văn đến, đi của Công ty theo đúng quy trình, thủ tục và quy định của Nhà nước;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

b. Phòng Kế toán tài chính:

Phòng Kế toán tài chính là bộ phận chức năng giúp việc cho Giám đốc Công ty trong việc tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của đơn vị đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ và Quy chế quản lý tài chính của Công ty. Phòng Kế toán tài chính có nhiệm vụ:

- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của Công ty;

- Tổ chức xây dựng bộ máy kế toán, thống kê phù hợp với mô hình, cơ cấu tổ chức sản xuất, kinh doanh của Công ty;

- Tổ chức kiểm tra, xét duyệt các báo cáo kế toán, thống kê, các báo cáo quyết toán của các đơn vị cấp dưới gửi lên; lập và gửi đầy đủ, đúng hạn các báo cáo thống kê, báo cáo quyết toán cho cấp trên và các cơ quan của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

- Kiểm kê tài sản, đánh giá lại tài sản, giải quyết và xử lý các khoản thiếu hụt, mất mát, hư hỏng, các khoản nợ khó đòi và các khoản thiếu hụt khác theo quy định của Nhà nước.

- Tổ chức thu thập thông tin kinh tế, thống kê, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty thường xuyên, nhằm đánh giá đúng tình hình kết quả và hiệu quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

c. Phòng Kế hoạch kinh doanh:

Phòng Kế hoạch kinh doanh là bộ phận chức năng giúp việc cho Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực xây dựng chiến lược phát triển, xây dựng kế hoạch kinh doanh, đề ra các phương án tổ chức thực hiện các chiến lược, kế hoạch đã được phê duyệt. Lập các dự án đầu tư, các hợp đồng kinh tế trong phạm vi Công ty. Phòng Kế hoạch kinh doanh tổng hợp có nhiệm vụ:

- Lập các phương án đổi mới phương thức kinh doanh, mở rộng thị trường, đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ, tham mưu giúp Giám đốc đề ra các biện pháp và tổ chức thực hiện nhằm tăng nhanh số lượng và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ;

- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đánh giá chính xác công tác quản lý, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, chất lượng phục vụ tại các đơn vị;

- Tổ chức điều tra, nghiên cứu, phân tích, đánh giá tình hình thị trường; xây dựng các chiến lược quảng cáo, tiếp thị nhằm mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ;

- Đàm phán, thiết lập các hợp đồng kinh doanh, dịch vụ;

- Xây dựng chiến lược phát triển theo từng thời kỳ, cho từng lĩnh vực kinh doanh của toàn Công ty. Xây dựng các kế hoạch kinh doanh ngắn hạn, dài hạn cho từng đơn vị, cho từng sản phẩm;

- Xây dựng và lập các phương án, đề án liên doanh, liên kết phát triển kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ của Công ty;

- Nghiên cứu lập các dự án và thẩm định các dự án đầu tư trình Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định;

- Tổ chức quản lý dự án trước, trong và sau khi đầu tư;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

d./ Trách nhiệm và quyền hạn của các Trưởng đơn vị:

Mỗi một đơn vị chuyên môn có một Trưởng đơn vị. Trưởng đơn vị có chức năng nhiệm vụ:

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về kết quả các mặt công tác tại đơn vị mình quản lý. Quyết định, hoặc đề nghị Công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tuyển dụng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, phân phối tiền lương, đối với CBCNV tại đơn vị trong phạm vi thẩm quyền theo Quy chế tuyển dụng và quản lý lao động của Công ty;

- Đề nghị Công ty thành lập mới, chia tách, giải thể, sát nhập các bộ phận trực thuộc, nhằm đảm bảo ổn định sản xuất, nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

- Chủ động phân công công việc cho nhân viên thuộc quyền quản lý; xem xét, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện các công việc đã giao; Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn lực được giao; Trực tiếp báo cáo với Giám đốc về các công việc được giao và chủ động phối hợp với các đơn vị khác để thực hiện nhiệm vụ;

- Đình chỉ công tác của nhân viên đơn vị mình trong trường hợp cần thiết, nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, nhưng phải báo cáo cho Giám đốc không quá 24 giờ sau đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY

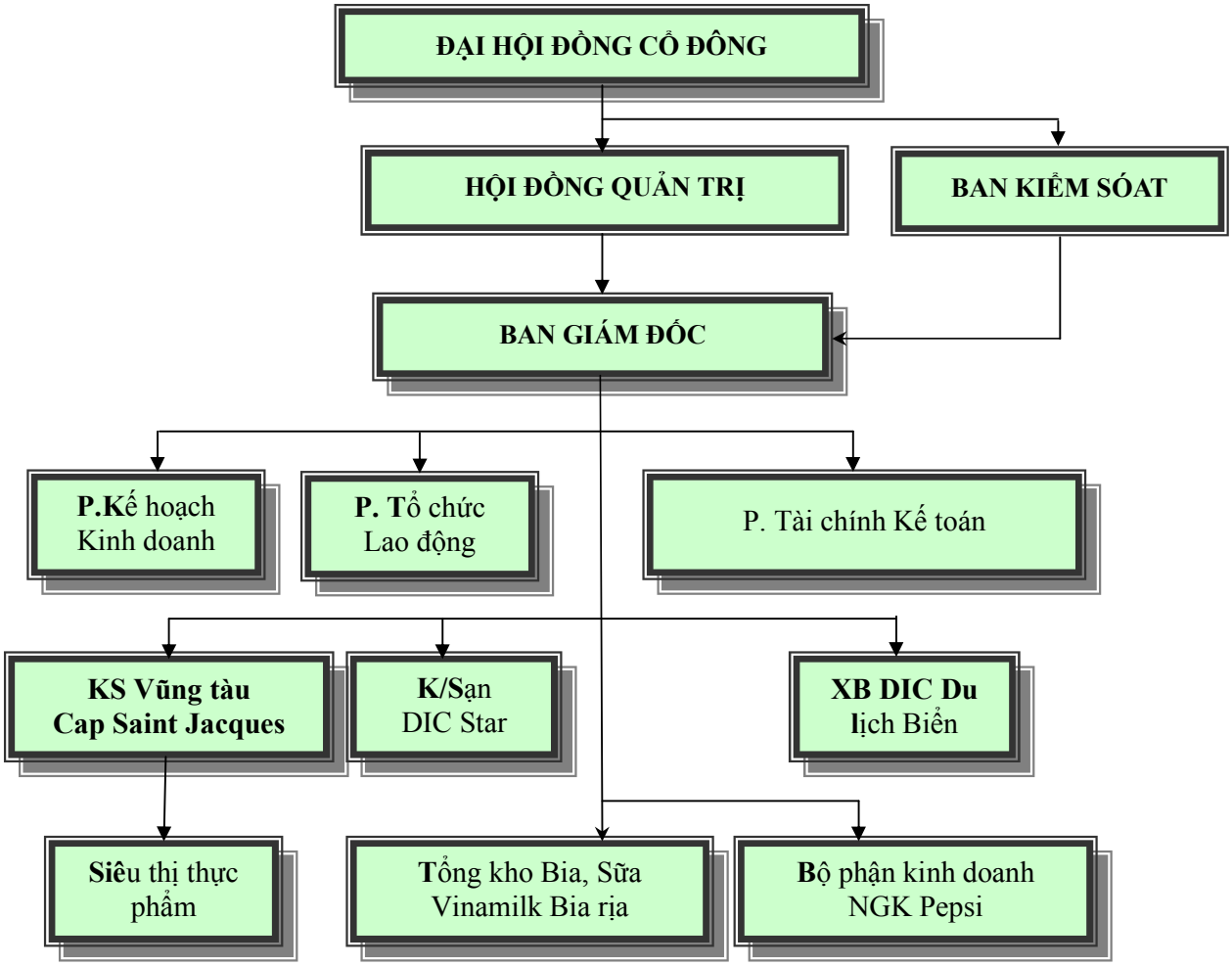

- Các đơn vị trực thuộc và địa bàn kinh doanh:
    - Văn phòng Công ty trực tiếp kinh doanh thương mại;
    - Khách sạn Vũng Tàu;
    - Khách sạn Ngôi sao DIC;
    - Xí nghiệp DIC du lịch biển;
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4./ Định hướng phát triển:

a./ Mục tiêu:

- Xây dựng Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh du lịch và thương mại.

- Xây dựng thương hiệu **DIC T&T, DIC STAR, CAP SAINT JACQUES, DIC TRAVEL** trở thành những thương hiệu nổi tiếng về du lịch và dịch vụ du lịch.

b./ Định hướng phát triển:

- Tập trung phát triển du lịch và dịch vụ du lịch là ngành nghề kinh doanh chính và nền tảng cơ bản cho mọi hoạt động kinh doanh khác.

- Đẩy mạnh doanh thu của đơn vị thông qua việc khai thác kinh doanh sang lĩnh vực cung ứng dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh trong ngành du lịch.

- Đẩy mạnh hoạt động liên doanh, liên kết, hợp tác khai thác kinh doanh các dự án khách sạn, khu du lịch cao cấp với thế mạnh là đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên giàu kinh nghiệm, giỏi chuyên môn nghiệp vụ và am hiểu quy trình quản lý điều hành công việc.

- Xây dựng khu phức hợp căn hộ du lịch, cụm Khách sạn Cap Saint Jacques – khách sạn DIC Star, khu du lịch biển DIC trở thành Trung tâm du lịch – khách sạn – nghỉ dưỡng cao cấp, hiện đại và đang dạng hóa các loại hình dịch vụ.

5./ Các rủi ro:

Du lịch được xem là ngành công nghiệp không khói và là ngành kinh tế chiến lược của các quốc gia có tiềm năng về du lịch. Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nền kinh tế Việt Nam đã dần hội nhập sâu hơn với nền kinh tế thế giới và ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của nền kinh tế quốc tế. Dưới tác động của kinh tế thế giới và nền kinh tế sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động Công ty chịu sự điều chỉnh trực tiếp của Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành. Là một đất nước đang phát triển, các thể chế, chính sách cũng như pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên thường có sự thay đổi. Chính sách và pháp luật có tác dụng định hướng phát triển chung cho nền kinh tế cũng như cho các doanh nghiệp. Do đó, mỗi thay đổi về mặt chính sách và pháp luật có thể tạo cơ hội hay rủi ro cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc quảng bá hình ảnh đất nước du lịch của Việt Nam vẫn còn hạn chế so với các nước láng giềng lân cận như Thái Lan, Malaysia, Singapore… Sản phẩm du lịch còn nghèo nàn. Lượng khách quốc tế vào Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực. Nếu không có chiến lược phát triển ngành du lịch một cách đồng bộ, Việt Nam sẽ khó cạnh tranh để gia tăng thị phần khách quốc tế với các quốc gia khác trong khu vực. Quá trình Việt Nam gia nhập các tổ chức kinh tế thế giới như WTO, AFTA... đã tạo ra nhiều cơ hội và thách thức cho các

doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khách sạn, du lịch. Cơ hội đang mở ra trước mắt nhưng khó khăn gặp phải cũng sẽ không ít. Các công ty kinh doanh khách sạn, lữ hành trong nước sẽ phải cạnh tranh quyết liệt với các tập đoàn, công ty nước ngoài có thế mạnh về kinh nghiệm, vốn, marketing và mạng lưới đại lý rộng khắp… Bên cạnh đó, hệ thống khách sạn của DIC T&T còn phải cạnh tranh với các khách sạn cùng cấp trên cùng địa điểm hoạt động. Nhiều dự án khách sạn, resort quy mô lớn của các công ty trong và ngoài nước đang được xây dựng khắp các trung tâm du lịch trong đó có TP.Vũng Tàu. Với mức độ cạnh tranh gay gắt như thế, các đơn vị kinh doanh khách sạn và lữ hành cần chuẩn bị rất nhiều mặt về vốn, nhân lực, marketing để giữ vững thị phần đã có.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015:

1./ Kết quả hoạt động SXKD năm 2015:

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
1./ Doanh thu	Trđ	272.000	349.287	128,41%
2./ Lợi nhuận trước thuế	Trđ	6.500	9.046	139.17%
3./ Tỷ lệ chia cổ tức:	%	3,5%	5,0%	142,86%

Trong năm 2015, Công ty khai thác được nhóm đối tượng khách hàng ở dài hạn tại đơn vị vì thế công suất khối ngủ được nâng cao và doanh số các bộ phận khác có liên quan được cải thiện đáng kể. Từ đó dẫn đến các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức dự kiến năm 2015 của Công ty vượt kế hoạch đã đề ra.

2./ Tổ chức và nhân sự:

a./ Danh sách Ban điều hành:

Ban giám đốc điều hành gồm có: Giám đốc, Phó Giám đốc. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm, Ban Giám đốc đã thực hiện hoàn thành các quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên Ban điều hành đã sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty.

- Các thành viên Ban Giám đốc:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Thành	Giám đốc	14 /04/2012	29/03/2016
Ông Vũ Thanh Bình	Giám đốc	29/03/2016	
Ông Phạm Bá Phúc	Phó giám đốc	23/08/2007	

*** GIÁM ĐỐC CÔNG TY (ĐẾN 29/03/2016) - ÔNG PHẠM VĂN THÀNH**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/8/1962
- Nơi sinh: Đa Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hoá.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đa Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hoá.
- Địa chỉ thường trú: Số 205 Hoàng Văn Thụ, P7, TP. Vũng tu.

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

- Trình độ chính trị: Cao cấp chính trị.

- Quá trình công tác:

+ Từ năm 1986 đến năm 2000 công tác tại Công ty Xây dựng Dầu khí - Bộ Xây dựng, đảm nhận các chức vụ:

* Gim đốc khách sạn Thùy Dương

* Phó Giám đốc XNKD nhà và DVDL, kiêm Giám đốc KS Long Hải

* Giám đốc XN DVDL, kiêm Giám đốc KS Mỹ Trà

+ Từ năm 2000 đến nay công tác tại Công ty Đầu tư phát triển – Xây dựng – Bộ Xây dựng, đảm nhận các chức vụ : Giám đốc Khách sạn Vũng Tàu, Giám đốc Công ty DIC Du lịch.

+ Từ tháng 07/2007 đến – 06/2013 giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, kiên Giám đốc điều hành Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

+ Từ tháng 07/2013 đến 29/03/2016: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

+ Từ 29/03/2016 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng.

- Số cổ phần nắm giữ : 1.933.472 CP

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 74.582 CP

+ Đại diện phần vốn nhà nước: 1.858.890 CP

- Những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** GIÁM ĐỐC CÔNG TY (TỪ 29/03/2016) – ÔNG VŨ THANH BÌNH:**

- Họ và tên: **VŨ THANH BÌNH**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 26/11/1968

- Nơi sinh: Nam Định

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Nam Định

- Địa chỉ thường trú: 15/10 Hoàng Văn Thụ, P.7, TP Vũng Tàu

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

- Trình độ chính trị: Cao cấp chính trị.

- Quá trình công tác:

+ Từ 1990 đến 2007: Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsopetro.

+ Từ 2007 – 04/2011: Phó chánh Văn phòng - Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng

+ Từ 04/2011 – 03/2016: Chánh Văn phòng - Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng;

+ Từ tháng 03/2016 đến nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

+ Chức vụ hiện nay:

* Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.

* Giám đốc Điều hành Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.

Số cổ phần nắm giữ : 5.886.483 CP

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 CP
- Đại diện phần vốn nhà nước: 5.886.483 CP

- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** PHÓ GIÁM ĐỐC - ÔNG PHẠM BÁ PHÚC**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/01/1976
- Nơi sinh: Bắc Sơn – An Hải - Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Sơn – An Hải - Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: 705-Chung cư SEAVIEW – P.10 – TP Vũng Tàu
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngọai ngữ
- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 01/2001 đến tháng 12/2001: Nhân viên phòng Kinh doanh KS Vũng Tàu

+ Từ tháng 1/2002 đến tháng 8/2003: Trưởng phòng Kinh doanh KS Vũng Tàu.

+ Từ tháng 9/2003 đến tháng 12/2005 : TP Kế hoạch Kinh doanh Cty DIC Du lịch.

+ Từ tháng 1/2006 đến nay: Phó Giám đốc Công ty DIC Du lịch

+ Chức vụ hiện nay : Thành viên hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC, Phó Giám đốc Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC, kiêm Giám đốc Xí nghiệp DIC Du lịch Biển thuộc Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.

- Số cổ phần nắm giữ : 10.500 CP

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 10.500 CP

- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** KẾ TOÁN TRƯỞNG – ÔNG ĐÀO THANH SƠN.**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/07/1975
- Nơi sinh: TP. Thái Nguyên.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dn tộc: Kinh
- Qu qun: Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: 51B Hoàng Việt, P6, TP. Vũng tàu.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

- Quá trình công tác:

+ Từ 1996 – 1997: Kế toán sản xuất Công ty TNHH GUNZE Việt Nam.

+ Từ 1997 – 1999: Kiểm soát viên thuế Chi cục Quản lý Thị trường tỉnh BRVT.

+ Từ 1999 – 2001: Kế toán tổng hợp Cty LD Máy Xây dựng Việt Nam – Uraltrac.

+ Từ 2001 – 2003: Kế toán viên Công ty Đầu tư Phát triển – Xây dựng (DIC Corp).

+ Từ 2003 – 07/2007: Kế toán trưởng Cty DIC Du lịch thuộc DIC Corp

+ Từ 07/2007 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC

- Số cổ phần nắm giữ (Sở hữu cá nhân): 10.524 CP

- Những người có liên quan:

+ Bà Phạm Thị Vân (vợ),

+ Số cổ phần nắm giữ: 46.650 CP.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

b./ Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty: Tính đến thời điểm 31/12/2015, tổng số lao động của Công ty là 325 người.

c./ Chính sách đối với người lao động:

- Chính sách đào tạo:

Công ty luôn đề cao và coi trọng con người, đó là nhân tố hàng đầu để quyết định mọi thành công trong các hoạt động của đơn vị. Vì vậy chính sách đào tạo của Công ty là:

- Việc đào tạo lao động được thực hiện theo kế hoạch. Công ty coi trọng công tác đào tạo và huấn luyện nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và ngoại ngữ; Huy động hợp lý nguồn lực để thực hiện kế hoạch đào tạo.

- Khuyến khích và đào tạo mọi điều kiện thuận lợi cho những người tài giỏi phát huy khả năng của mình để đảm nhiệm những chức vụ, chức danh cao hơn.

- Chính sách tiền lương:

Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc đảm nhiệm cho người lao động. Thu hút và khuyến khích người tài giỏi mang hết khả năng để phục vụ Công ty.

- Chính sách thưởng:

Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh.

- Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thoả ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ, nhân viên; quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết.

3./ Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Trong năm 2015 Công ty thực hiện một số hạng mục đầu tư, sửa chữa nâng cấp tài sản phục vụ thiết thực cho hoạt động kinh doanh của các đơn vị. Tổng giá trị đầu tư xây dựng trong năm 2015 đạt 10,744 tỷ đồng, chi tiết như sau:

HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện
1. Hệ thống thu gom nước thải tại XN DIC Du lịch Biển kết nối vào Hệ thống xử lý nước thải Cụm KS DIC Star – Cap Saint Jacques.	Trđ	1.000	0
2. Sửa chữa nâng cấp các hạng mục KS Vũng Tàu (phần tiếp theo)	Trđ	15.000	8.311
3. Sửa chữa Quầy Bar Sân vườn K/S DIC Star	Trđ	600	0
4. Sửa chữa Khu Seaview Việt Đức	Trđ	1.000	465
5. Cải tạo khu hồ bơi XN DIC Du lịch Biển thành Khu phức hợp Hồ bơi – Sân khấu biểu diễn nghệ thuật – Cà phê, Bar sân vườn.	Trđ	1.500	0
5. Đầu tư nâng cấp, sửa chữa tài sản; mua sắm tài sản cố định, CCDC cần thiết phục vụ kinh doanh	Trđ	3.000	1.968
TỔNG CỘNG		**22.100**	**10.744**

Năm 2015 công tác đầu tư không hoàn thành kế hoạch đã đề ra, nguyên nhân chủ yếu là do HĐQT, Ban Giám đốc Công ty chủ động kéo dài thời gian thi công và một số thời điểm phải tạm ngưng công tác thi công công trình Nâng cấp Khách sạn Vũng tàu để ưu tiên cho hoạt động khai thác kinh doanh của đơn vị. Việc đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ của công ty tuân thủ đúng trình tự và quy định của pháp luật hiện hành. Tính đến cuối năm 2015, Công ty đã sắp xếp và bố trí xong nguồn vốn đầu tư Công trình Nâng cấp Khách sạn Vũng tàu, Khách sạn DIC Star Giai đoạn II.

4./Tình hình tài chính:

a./ Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2014	Năm 2015	Tăng/ giảm (%)
1./ Tổng giá trị tài sản	Trđ	166.262	180.602	8,62%
2./ Doanh thu thuần		285.179	349.288	22,48%
3./ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	%	3.122	8.369	168,07%
4./ Lợi nhuận khác	%	2.946	677	-77,02%
5./ Lợi nhuận trước thuế		6.068	9.046	49,08%
6.// Lợi nhuận sau thuế		4.703	6.944	47,65%
7./ Lãi cơ bản trên cổ phiếu		458	615	34,28%

b./ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2014	Năm 2015	Tăng/ giảm (%)
1./ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2014	Năm 2015	Tăng/ giảm (%)
- Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả	Lần	3,55	3,11	-12,39%
- Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0,71	0,89	25,35%
- Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	Lần	0,47	0,61	29,79%
2./ Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn				
- Cơ cấu tài sản				
+ Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	18,79%	25,10%	33,58%
+ Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	81,21%	74,90%	-7,77%
- Cơ cấu nguồn vốn				
+ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	28,18%	32,17%	14,16%
+ Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	71,82%	67,83%	-5,56%
3./ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:				
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	16,75	20,16	20,36%
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,72	1,93	12,21%
4./ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu				
+ Lợi nhuận trước thuế/DT thuần + DT tài chính	%	2,13%	2,59%	21,60%
+ Lợi nhuận sau thuế/ DT thuần + DT tài chính	%	1,65%	1,99%	20,61%
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản				
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	3,65%	5,01%	137,26%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	2,83%	3,84%	35,69%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	3,94%	5,67%	43,91%

5./ Cơ cấu cổ đông:

a./ Cổ phần:

- Số lượng chứng khoán đã phát hành: 11.294.323 cổ phần

  Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 11.294.323 cổ phần

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 11.294.323 cổ phần

  Trong đó: Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần

- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần.

- Công ty không phát hành bất kỳ loại trái phiếu nào.

b./ Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Đầu năm 2015		Cuối năm 2015	
	SL CP	Tỷ lệ SH (%)	SL CP	Tỷ lệ SH (%)
1. Cổ đông Nhà nước:	**7.745.373**	**68,58**	**7.745.373**	**68,58**

Danh mục	Đầu năm 2015		Cuối năm 2015	
	SL CP	Tỷ lệ SH (%)	SL CP	Tỷ lệ SH (%)
- Tổng Cty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	7.745.373	68,58	7.745.373	68,58
2. Đối tác chiến lược:	**800.749**	**7,09**	**800.749**	**7,09**
- Cty TNHH 1TV TMDV Bia rượu NGK Sài Gòn	800.749	7,09	800.749	7,09
3. Cổ đông khác:	**2.748.201**	**24,43**	**2.748.201**	**24,43**
a./ Tổ chức (03 tổ chức):	**224.059**	**1,98**	**224.059**	**1,98**
- Công ty CP Bia Sài Gòn Miền tây	145.060	1,28	145.060	1,28
- Công ty CP Du lịch Tân Định Fiditourist	21.000	0,19	21.000	0,19
- Công ty CP Chứng khoán Đại Việt	57.999	0,51	57.999	0,51
b./ Cá nhân:	**2.524.142**	**22,35**	**2.524.142**	**22,35**
Tổng cộng	**11.294.323**	**100,00**	**11.294.323**	**100,00**

c./ Những thay đổi về vốn cổ đông, vốn góp: Không.

d./ Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e./ Các loại chứng khoán khác: Không.

6./ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

a./ Nguồn nguyên liệu:

- Với hoạt động đặc thù của doanh nghiệp là kinh doanh hệ thống khách sạn, nguồn nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là các loại thực phẩm sử dụng tại nhà hàng (rau quả, hải sản, thịt, cá…) và các loại vật tư trong phòng nghỉ. Nguồn cung cấp các nguyên vật liệu này chủ yếu ở trong nước và tại địa phương. Nhìn chung, nguồn cung cấp các nguyên vật liệu này rất dồi dào, phong phú. Chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng tương đối từ 30% đến 60% trong giá vốn hàng bán về dịch vụ ăn uống của Công ty.

- Đối với hoạt động thương mại (kinh doanh bia, thực phẩm) thì nguồn cung cấp chủ yếu từ:

- Bia Sài Gòn: ký hợp đồng hàng năm, chiếm 60% trong khối thương mại của Công ty;

- Pepsi: Công ty phân phối độc quyền và chiếm khoản 35%;

- Các công ty khác cung cấp thực phẩm, hàng hoá thiết yếu chiếm khoản 5%.

b./ Tiêu thụ năng lượng: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty là điện lưới quốc gia và điện máy pháp. Bên cạnh đó, Công ty còn sử dụng nguồn năng lượng mặt trời cho hệ thống nước nóng phục vụ khách du lịch.

c./ Tiêu thụ nước: Mức tiêu thụ nước của Công ty hàng năm dao động từ : 100.000 m3 – 150.000 m3. Nguồn cung cấp nước chủ yếu của doanh nghiệp là các đơn vị cấp nước

thuộc tỉnh Bà rịa – Vũng tàu. Công ty đã hoàn thành việc đầu tư và đưa vào sử dụng hệ thống xử lý nước thải tập trung Cụm Khách sạn Cap Saint Jacques – DIC Star – DLB.

d./ Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty luôn ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm, Công ty không bị xử phạt do vi phạm các hành vi vi phạm môi trường.

e./ Chính sách liên quan đến người lao động:

Công ty thực hiện chế độ làm việc cho người lao động là 8 giờ trong một ngày, mỗi tuần làm việc 6 ngày từ thứ 2 đến thứ 7. Các chế độ nghỉ lễ, Tết được Công ty giải quyết theo đúng quy định Nhà nước. Ngoài ra, do đặc thù của từng loại công việc, các đơn vị trực thuộc Công ty có thể tự sắp xếp thời giờ làm việc theo ca, khoán doanh thu và nghỉ ngơi phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị nhưng không trái với quy định của Bộ Luật Lao động và các quy định khác của pháp luật hiện hành. Người lao động làm việc đủ 12 tháng tại Công ty được nghỉ phép năm theo quy định và được Công ty thanh toán tiền lương nghỉ phép theo chế độ. Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc đảm nhiệm cho người lao động. Thu hút và khuyến khích người tài giỏi mang hết khả năng để phục vụ Công ty. Công ty đưa ra chính sách thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh. Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ, nhân viên; quan tâm đến CB – CNV trong các ngày lễ tết.

III./ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1./Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2015:

a./ Tổng quan:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2015 là: 349 tỷ 287 triệu đồng, đạt 128,41% kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế đạt: 9 tỷ 046 triệu đồng, đạt 139,17% kế hoạch.

b./ Chi tiết kết quả SXKD như sau:

CHỈ TIÊU	Đvt	KH 2015	TH 2015	TH/KH
I./ DOANH THU THEO ĐƠN VỊ:	**Trđ**	**272,000**	**349,287**	**128.41%**
- Văn phòng Công ty trực tiếp kinh doanh	Trđ	203,500	253,501	124.57%
- Khách sạn Vũng tàu	Trđ	40,000	55,128	137.82%
- Khách sạn DIC Star	Trđ	28,500	40,658	142.66%
II./ DOANH THU THEO LOẠI HÌNH:	**Trđ**	**272,000**	**349,287**	**128.41%**
1. Doanh thu thương mại	Trđ	180,400	231,658	128.41%
2. Doanh thu cho thuê buồng ngủ	Trđ	40,000	65,460	163.65%
3. Doanh thu bán hàng ăn, uống, giải khát	Trđ	28,700	30,199	105.22%
4. Doanh thu dịch vụ dù ghế, hồ bơi,…	Trđ	7,600	8,811	115.93%
5. Doanh thu kinh doanh lữ hành	Trđ	2,000	1,072	53.60%

CHỈ TIÊU	Đvt	KH 2015	TH 2015	TH/KH
6. DT cho thuê phòng họp, mặt bằng, khác	Trđ	13,300	12,087	90.88%
IV./ LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	**Trđ**	**6,500**	**9,046**	**139.17%**
V./ TỶ LỆ CHIA CỔ TỨC	**%**	**3.50%**	**5.00%**	**142.86%**
VI./ NGHĨA VỤ VỚI NSNN	**Trđ**	**10,000**	**10,231**	**102.31%**
VII./ THU NHẬP BQ NGƯỜI LAO ĐỘNG	**Ngđ/N/T**	**5,000**	**5,500**	**110.00%**
VIII./ TỔNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	**Trđ**	**22,100**	**10,744**	**48.62%**

* *Đối với khối kinh doanh cho thuê phòng ngủ:*

Doanh thu khối phòng ngủ toàn công ty năm 2015 là: 65 tỷ 460 triệu đồng, đạt 163,65% kế hoạch, giá bán bình quân 1 phòng của 1.304.858 đồng/phòng**,** đạt 118,62% kế hoạch. Tổng số lượt khách lưu trú tại năm 2015 là: 48.957 lượt, đạt 97,91% kế hoạch, giảm 803 lượt so với kết quả thực hiện năm 2014. Tổng số ngày khách phục vụ năm 2015 là: 135.459 ngày, đạt 175,92% kế hoạch, tăng 59.582 ngày so với kết quả thực hiện năm 2014. Số lượt khách năm 2015 giảm so với năm 2014 nhưng số ngày khách tăng mạnh so với năm 2014 là do trong năm các đơn vị khai thác được nhóm đối tượng khách ở dài hạn mang lại hiệu quả khá tốt về doanh thu và công suất phòng so với năm 2014.

* *Đối với khối kinh doanh ăn uống, giải khát:* Doanh thu khối ăn uống giải khát năm 2015 là: 30 tỷ 125 triệu đồng, tăng 1 tỷ 125 triệu đồng so với kết quả thực hiện năm 2014, đạt 104,97% kế hoạch. Trong năm 2015, Nhà hàng DIC Lotus khai thác được lượng khách đoàn ổn định góp phần duy trì sự ổn định doanh thu và tăng trưởng ở lĩnh vực kinh doanh này.

* *Đối với khối kinh doanh dịch vụ giải trí biển:* Doanh thu dịch vụ giải trí biển năm 2015 là: 8 tỷ 811 triệu đồng, tăng 1,31 tỷ đồng so với năm 2014, đạt 115,93% kế hoạch.

* *Đối với khối kinh doanh du lịch lữ hành:* Doanh thu lữ hành đạt: 1 tỷ 079 triệu đồng, đạt 53,60% so với kế hoạch. Trong năm 2015, Công ty đã giải thể Chi nhánh kinh doanh du lịch lữ hành tại TP.HCM nhưng Công ty vẫn duy trì giấy phép kinh doanh du lịch lữ hành trong và ngoài nước. Toàn bộ doanh thu hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành trong năm 2015 đơn vị đạt được là từ hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế.

* *Đối với khối kinh doanh thương mại:* Năm 2015, tình hình kinh doanh thương mại gặp rất nhiều khó khăn. Tổng doanh thu kinh doanh thương mại năm 2015 đạt 231 tỷ 658 triệu đồng, đạt 128,41% kế hoạch. Doanh thu kinh doanh mặt hàng Pepsi, ổn định. Doanh thu kinh doanh sữa Vinamilk có sự tăng trưởng cao do trong năm đơn vị được giao thêm thị trường Khu vực TP. Bà rịa hợp nhất với thị trường Khu vực huyện Long Điền đang kinhd oanh ổn định trước đây. Doanh thu phân phối các sản phẩm của Vinamilk đã góp phần chính tạo ra sự tăng trưởng doanh thu của bộ phận kinh doanh thương mại năm 2015.

* *Đối với khối kinh doanh phòng họp, cho thuê mặt bằng, ki ốt, kinh doanh tạp hoá, giữ xe và các hoạt động kinh doanh khác:* Doanh thu khối phòng họp, cho thuê mặt bằng, giữ xe và doanh thu khác của công ty là: 12 tỷ 161 triệu, đạt 91,44% kế hoạch năm. Trong năm 2015, hoạt động kinh doanh phòng họp, cho thuê mặt bằng, ki ốt, kinh doanh tạp hoá, giữ xe ổn định và có sự tăng trưởng. Tuy nhiên, các hoạt động kinh doanh khác như cung cấp quà tặng, làm trung gian đặt dịch vụ khách sạn khác giảm.

2./ Tình hình tài chính:

a./ Tình hình tài sản – nguồn vốn của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015:

Tài sản (trđ)		Nguồn vốn (trđ)	
I. Tài sản ngắn hạn	**45.335**	**I. Nợ phải trả**	**58.106**
- Tiền và khoản tương đương	8.505	- Nợ ngắn hạn	50.926
- Tài sản ngắn hạn khác	36.830	- Nợ dài hạn	7.180
II. Tài sản dài hạn	**135.267**	**II. Vốn chủ sở hữu**	**122.496**
Tổng cộng	**180.602**	**Tổng cộng**	**180.602**

b./ Tình hình nợ phải thu, nợ trả:

- Công nợ phải thu khách hàng: Đơn vị tổ chức theo dõi chi tiết công nợ theo từng đối tượng khách hàng; cuối quý thực hiện việc đối chiếu công nợ; việc phân công thu hồi nợ được giao cụ thể cho các bộ phận trực tiếp bán hàng, phòng Tài chính Kế toán thực hiện giám sát thu hồi và đôn đốc nợ. Các khoản phải thu khác được đơn vị quản lý chặt chẽ theo quy định.

- Các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi: Trong năm không phát sinh tăng các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Ngoài việc đôn đốc thu hồi công nợ đến hạn và phát sinh hàng tháng, Công ty tập trung theo dõi và đôn đốc thu hồi các các khoản nợ phải thu khó đòi đã trích lập dự phòng của năm trước. Tổng giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi đầu năm 2015 là: 730 trđ, giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi cuối năm 2015 là 715 trđ, giảm 15 trđ.

- Các khoản vay được quản lý chặt chẽ, tuân thủ các quy định của hợp đồng vay vốn; Các khoản phải trả khách hàng chủ yếu là công nợ luân chuyển và được đơn vị theo dõi chi tiết theo mã đối tượng, nội dung phát sinh nợ;

c./ Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước:

Trong năm 2015, Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC đã thực hiện tốt công tác kê khai và nộp thuế theo chế độ quy định. Tại đơn vị không có trường hợp chậm nộp tờ khai hoặc chậm nộp thuế. Tổng số thuế phải nộp năm 2015 là: 10 tỷ 231 triệu đồng. Tổng số thuế đã nộp trong năm 2015 là: 10 tỷ 012 triệu đồng.

d./ Tình hình chi lương và trích nộp BHXH, BHYT, BHTN:

Thu nhập bình quân người lao động năm 2015 đạt khoảng 5,5 triệu đồng/người/tháng, tăng 10% so với năm 2014. Tiền lương hàng tháng của người lao động được công ty quan tâm chi trả kịp thời. Chậm nhất là ngày 10 – 15 đầu tháng sau, Công ty thanh toán lương cho người lao động của tháng trước đó. Trong năm 2015, Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC đã thực hiện tốt việc trích và nộp quỹ BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn theo chế độ quy định. Toàn bộ người lao động có ký hợp đồng ổn định với công ty đều được đơn vị kê khai và nộp BHXH, BHYT, BHTN. Số tiền phải nộp cho cơ quan BHXH, BHTN hàng tháng đều được kế toán đơn vị thanh toán đầy đủ, kịp thời và đúng quy định. Chế độ trợ cấp thai sản, ốm đau, nghỉ dưỡng sức, tai nạn lao động,... cho từng trường hợp lao động cụ thể đều được công ty quan tâm xét xét, thực hiện kịp thời, đúng chế độ.

3./ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Công ty luôn đặt tiêu chuẩn và chất lượng dịch vụ lên hàng đầu, đảm bảo theo quy chuẩn của Khách sạn 4 sao từ trang thiết bị, đầu tư đến trình độ ngoại ngữ và tay nghề của CBCNV v.v… Hiện nay, Công ty đã đầu tư cho Cụm khách sạn những hệ thống thiết bị quản lý hiện đại như sau:

- Hệ thống cửa khóa từ quản lý bằng phần mềm mã vạch;

- Hệ thống két sắt tự động đóng mở bằng thẻ từ tiện lợi;

- Hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời quản lý bằng hệ thống điều khiển trung tâm;

- Hệ thống wifi indoor – out door phủ song toàn bộ cụm khách sạn quản lý bằng phần mềm vi tính.

- Hệ thống máy vi tính của Công ty được nối mạng nội bộ và nối mạng Internet băng thông rộng ADSL.

Công ty thực hiện quản lý hệ thống khách sạn bằng phần mềm **Sigma.soft** liên kết tất cả các bộ phận như lễ tân, buồng, bàn, bếp, kinh doanh, kế toán nên đã giảm thiểu công việc thủ công, bớt sai sót và phục vụ khách nhanh chóng, kịp thời, chất lượng cao. Phần mềm **Sigma.soft** còn được liên kết để lãnh đạo Công ty cập nhật tình hình kinh doanh và có những chỉ đạo sát sao, hợp lý. Hiện tại Công ty đang liên kết với các trang web đặt chỗ qua mạng như: www.agoda.vn, www.booking.com, www.genaresasia.com ... Thông qua các trang web này đã làm tăng một lượng đáng kể khách du lịch đến nghỉ tại cụm khách sạn DIC. Công ty cũng đang chủ động xây dựng hệ thống đặt phòng trực tuyến trên website của Công ty và dự kiến sẽ đưa vào hoạt động trong thời gian sớm nhất.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng phần mềm **KTVN** trong công tác Kế toán nhằm quản lý hệ thống kế toán của toàn Công ty, nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán của Công ty. Công ty luôn có đội kiểm tra định kỳ hàng tháng nhằm đánh giá vệ sinh và chất lượng dịch vụ v.v…Ngoài ra, Công ty cũng đã đăng ký với Sở Y tế về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, cũng như đã ký hợp đồng mua bảo hiểm cháy nổ cho cụm khách sạn với Công ty Bảo hiểm Ngân hàng đầu tư (BIC).

Nhận thức sâu sắc về vấn đề thương hiệu, Công ty đã nỗ lực xây dựng và quảng bá thương hiệu của mình đối với khách hàng. Trong những năm qua, thương hiệu của Công ty đã được biết đến rộng rãi và tạo niềm tin với du khách trong nước cũng như du khách quốc tế. Với mục tiêu mở rộng và phát triển thị trường để tìm kiếm các hợp đồng mới có giá trị, phát triển các hoạt động kinh doanh, hàng năm Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC luôn thực hiện chủ trương đẩy mạnh hoạt động marketing, xây dựng các chiến lược nhằm duy trì khách hàng cũ và mở rộng được mạng lưới khách hàng mới như: phát hành thẻ VIP, giảm giá dịch vụ, tặng sản phẩm cho khách hàng truyền thống và khách hàng tiềm năng.

4./ Kế hoạch phát triển tương lai:

- Tập trung phát triển du lịch và dịch vụ du lịch là ngành nghề kinh doanh chính và nền tảng cơ bản cho mọi hoạt động kinh doanh khác.

- Đẩy mạnh doanh thu của đơn vị thông qua việc khai thác kinh doanh sang lĩnh vực cung ứng dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh trong ngành du lịch.

- Đẩy mạnh hoạt động liên doanh, liên kết, hợp tác khai thác kinh doanh các dự án khách sạn, khu du lịch cao cấp với thế mạnh là đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên giàu kinh nghiệm, giỏi chuyên môn nghiệp vụ và am hiểu quy trình quản lý điều hành công việc.

5./ Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không.

6./ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường. Nước thải sinh hoạt của các bộ phận, đơn vị trực thuộc đều được thu gom qua hệ thống xử lý tập trung đáp ứng tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường bên ngoài. Đối với các chất thải rắn, chất thải công nghiệp Công ty ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng chuyên môn trong tỉnh để thu gom và xử lý theo quy định. Định kỳ 06 tháng các đơn vị bộ phận của Công ty đều có báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định hiện hành của Nhà nước.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1./ Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2015 là một năm hoạt động khá thành công của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC. Các mặt hoạt động của Công ty đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Cụ thể như sau:

- Doanh thu khối phòng ngủ đạt 163,65% kế hoạch.

- Doanh thu khối ăn uống giải khát đạt: 104,97% kế hoạch.

- Doanh thu dịch vụ giải trí biển đạt: 115,93% kế hoạch.

- Doanh thu kinh doanh thương mại đạt 128,41% kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 139,17% kế hoạch.

- Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến) đạt: 142,86% kế hoạch.

Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC thực hiện tốt các nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước. Thu nhập, đời số người lao động được nâng cao. Thu nhập bình quân người lao động tăng hơn 10% so với năm 2014.

2./ Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm 2015, Hoạt động SXKD tại Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC luôn chấp hành đúng các chính sách của pháp luật hiện hành, điều lệ hoạt động của Công ty. Căn cứ các quy định của pháp luật và Điều lệ và các quy chế hoạt động của đơn vị, Ban Giám đốc công ty đã tiến hành soạn thảo và ban hành bổ sung các nội quy, quy định nội bộ để cụ thể hoá, quy định chi tiết chức năng nhiệm vụ của các phòng ban chức năng công ty. Các quy định này là hành lang pháp lý phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của Công ty.

Trong năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã hết sức nỗ lực tìm kiếm phục vụ đa dạng các nguồn khách, trong đó đã khai thác và phục vụ được nhóm khách ở dài hạn tạo sự gia tăng doanh thu và thu nhập cho doanh nghiệp. Ban lãnh đạo Công ty và các phòng ban chức năng đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai các nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty. Kết quả SXKD năm 2015, đơn vị hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

3./ Kế hoạch, định hướng của HĐQT:

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC là một trong những khách sạn có nhiều phòng nhất tại thành phố Vũng Tàu và là một trong những đơn vị kinh doanh du lịch và dịch vụ du lịch dẫn đầu của Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về chất lượng cũng như về doanh số kinh doanh. Bên cạnh đó, là một trong những đơn vị dẫn đầu ngành du lịch, khách sạn của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, DIC T&T có nhiều triển vọng phát triển trong tương lai. Với vị

trí kinh doanh thuận lợi, diện tích mặt bằng kinh doanh khách sạn rộng rãi (hơn 10.000 m2) và khu vực bãi biển dài hơn 320m, diện tích hơn 20.000 m2 là cơ hội tốt để DIC T&T phát triển về chiều rộng lẫn chiều sâu. Thời gian tới DIC T&T sẽ tập trung phát triển theo chiều sâu, nâng cao đẳng cấp và chất lượng sản phẩm dịch vụ và coi đây là điều kiện tiên quyết để nâng cao hiệu quả và cải tiến lợi nhuận cho doanh nghiệp.

** Triển vọng phát triển của ngành:*

Ngành du lịch đang từng bước trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của Việt Nam với tiềm năng phát triển rất lớn như các địa danh, ẩm thực nổi tiếng,… có sức hấp dẫn du khách cao. Định hướng phát triển của ngành du lịch Việt Nam trong thời gian tới là phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn trên cơ sở khai thác có hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hóa lịch sử, huy động tối đa nguồn nhân lực trong nước và tranh thủ sự hợp tác, hỗ trợ quốc tế, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từng bước đưa nước ta trở thành một trung tâm du lịch có tầm cỡ khu vực, phấn đấu đưa du lịch Việt Nam được xếp vào nhóm quốc gia có ngành du lịch phát triển trong khu vực.

Việt Nam có bờ biển dài và đẹp, thiên nhiên phong phú; giao thông, khí hậu thuận lợi nên tiềm năng phát triển du lịch của Việt Nam là rất lớn. Bà Rịa - Vũng Tàu là một trong những tỉnh có cửa ngõ giao lưu giữa Việt Nam và thế giới, có hệ thống đường biển, đường sông và đường hàng không rất thuận tiện. Bà Rịa - Vũng Tàu đang từng bước khẳng định thế mạnh du lịch của mình, nhờ lợi thế về tiềm năng thiên nhiên và nhân văn phong phú. Bà Rịa - Vũng Tàu là một quần thể thiên nhiên hài hoà, sơn thuỷ hữu tình, có những dãy Núi Lớn - Núi Nhỏ - Minh Đạm, Núi Dinh che chắn, xa xa biển Đông có Côn Đảo bao bọc, ở gần có Long Sơn quy tụ. Với những lợi thế và tiềm năng to lớn nói trên, trong xu thế xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu về du lịch vui chơi, giải trí ngày càng cao. Định hướng phát triển du lịch và dịch vụ du lịch của Công ty rất phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và kinh tế thế giới.

V./ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1./ Hội đồng quản trị:

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 cuộc họp, ban hành 16 nghị quyết và nhiều biên bản cuộc họp để triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông, xem xét và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, ban hành sửa đổi bổ sung một số nội quy, quy chế hoạt động của đơn vị; phê duyệt các nội dung công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Thành phần Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số cổ phần sở hữu và đại diện	Tỷ lệ/ VĐL
Ông Nguyễn Văn Hoành	Chủ tịch	01/07/2013	29/03/2016	5.886.483	52,12%
Ông Phạm Văn Thành	Chủ tịch	29/03/2016		1.933.472	17,12%
Ông Vũ Thanh Bình	Thành viên	29/03/2016		5.886.483	52,12%
Ông Phạm Bá Phúc	Thành viên	14/04/2012		10.500	0,09%

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số cổ phần sở hữu và đại diện	Tỷ lệ/ VĐL
Ông Trương Vĩnh Tùng	Thành viên	14/04/2012		800.749	7,09%
Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên	14/04/2012		31.500	0,28%

Số lượng thành viên độc lập không điều hành là 2 người gồm: Ông Trương Vĩnh Tùng và Ông Nguyễn Xuân Hải.

* Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị:

* Chủ tịch HĐQT – ÔNG NGUYỄN VĂN HOÀNH

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN HOÀNH
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 10/9/1965
- Nơi sinh: Yên Tân, Ý Yên, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dn tộc: Kinh
- Quê quán: Yên Tân, Ý Yên, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 65 Lương Thế Vinh, P.9, TP Vũng Tàu
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

+ Từ tháng 9/93 đến tháng 3/99: Kiểm sóat viên thuế: Cục thuế BR-VT

+ Từ tháng 4/99 đến tháng 10/2005: Kế tóan tổng hợp kiêm tổ trưởng tổ kiểm tóan nội bộ, trưởng phòng TC-KT XNXD số 1, Phó phòng TC-KT thuộc Công ty Thiết kế & XD Dầu khí.

+ Từ tháng 11/2006 đến 03/2008: Trưởng Ban kiểm sóat Tổng Công ty Đầu tư phát triển - Xây dựng (Bộ Xây dựng)

+ Từ tháng 03/2008 đến 06/2012: Trưởng Ban kiểm sóat Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng.

+ Từ tháng 07/2012 đến 06/2013: Giám đốc Đầu tư và Quản lý vốn Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng.

+ Từ tháng 07/2013 đến 29/03/2016: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

- Số cổ phần nắm giữ đến 29/03/2016: 5.886.483 CP

  Trong đó:

  - Sở hữu cá nhân: 0 CP
  - Đại diện phần vốn nhà nước: 5.886.483 CP

- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** TV HĐQT – ÔNG ÔNG PHẠM VĂN THÀNH** (xem trình bày ở phần Ban Giám đốc)

*** TV HĐQT – ÔNG VŨ THANH BÌNH** (xem trình bày ở phần Ban Giám đốc)

*** TV HĐQT – ÔNG PHẠM BÁ PHÚC** (xem trình bày ở phần Ban Giám đốc)

*** TV HĐQT - ÔNG TRƯƠNG VĨNH TÙNG**

- Họ và tên: Trương Vĩnh Tùng.
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/08/1975
- Nơi sinh: Bến tre.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bến tre
- Địa chỉ thường trú: 28-30 lầu 1, Nguyễn Cư Trinh, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:Cử nhân Kinh tế Đối ngoại trường ĐH Ngoại Thương.
- Quá trình công tác:

+2000 - 2003 : Hạ sĩ quan Nhà tạm giữ Công an Quận 1, TP.HCM.

+2003 - 2007: Nhân viên Hải quan TP.HCM

+2007 -2008: Nhân viên Công ty TNHH MTV Thương mại SABECO.

+2008 -04/2011: Trưởng phòng Tổng hợp Tổ chức Hành chính Công ty TNHH MTV Thương mại SABECO.

+04/2011 - 2013: Trưởng phòng Tổng hợp Tổ chức Hành chính Công ty TNHH MTV Thương mại SABECO;

+ 2013 – Nay: Giám đốc Điều hành Văn phòng – Pháp chế Cty TNHH 1 Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn.

- Chức vụ hiện nay :

+ Giám đốc Điều hành Văn phòng – Pháp chế Công ty TNHH 1 Thành viên Thương mại Bia Sài gòn.

+ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài gòn Sông Tiền;

+ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài gòn Sông Hậu;

+ Thành viên HĐQT Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.

- Số cổ phần nắm giữ : 800.749 CP

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 0 CP

+Đại diện phần vốn nhà nước: 800.749 CP

- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** Thành viên HĐQT – ÔNG NGUYỄN XUÂN HẢI**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/8/1958
- Nơi sinh: Hiệp Hòa - Kinh Môn - Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hiệp Hòa - Kinh Môn - Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: 43 Tiền Giang, P.2, Q. Tân Bình – TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư hóa học
- Qu trình công tác:

+ Từ năm 1975 đến năm 1986: Bộ đội hải quân, giáo viên, trưởng ban kế hoạch trường sĩ quan phòng hóa, Tiểu đòan trưởng tiểu đoàn học viên.

+ Từ năm 1986 - 1992: Học viện phòng hóa Liên Xô, trợ lý hóa học quân khu 7.

+ Từ năm 1992 - 2002: Giám đốc XNK, Phó GĐ Cty TECAPRO - Bộ Quốc phòng

+ Từ năm 2002 đến năm 2005: Phó Giám đốc Công ty CP TM & KDN H&F

+ Từ năm 2005 – 2013: Phó GĐ Công ty CP Bia SG - Bình Tây

+ Từ năm 2013 – Nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Bia SG Bình Tây

+ Chức vụ hiện nay :

* Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây.
* Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.

- Số cổ phần nắm giữ : 31.500 CP

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 31.500 CP
- Đại diện phần vốn nhà nước: 0 CP

- Những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

2./ Ban Kiểm soát:

- Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty. Ban kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của công ty.

- Thành viên Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14/04/2012
Ông Võ Xuân Thành	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/05/2014
Bà Nguyễn Thị Chín	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2012
Bà Lê Phương Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/05/2014

- Tóm tắt lý lịch Ban kiểm soát:

*** Trưởng Ban kiểm soát – Bà NGUYỄN THỊ HIỀN**

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 08/3/1967 Nơi sinh: Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số: 273098187 Ngày cấp: 16/4/1998 Nơi cấp: CA BR-VT
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 13 - Lô C – Ngô Đức Kế - P.7 – TP Vũng Tàu
- Số điện thoại liên lạc: 0938031968
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- Quá trình công tác:

+ Từ năm 1987 đến năm 1993: Nhân viên – Công ty dịch vụ Du lịch Dầu khí Việt Nam.

+ Từ năm 1994 - đến năm 1995: Nhân viên – Trường đào tạo nhân lực Dầu khí;

+ Từ năm 1996 - đến năm 1998: Nhân viên – Công ty TM&DV tỉnh BR-VT;

+ Từ năm 1999 - đến năm 2000: Phụ trách kế toán – XN sữa chữa giàn khoan & các phương tiện dầu khí – Công ty VIMEXCO;

+ Từ năm 2000 đến tháng 9/2001: Kế toán trưởng – Công ty hàng hải Thái Bình Dương;

+ Từ tháng 10/2001 đến nay: Chuyên viên Phòng Đầu tư và Quản lý vốn Tổng Công ty CP Đầu tư phát triển Xây dựng.

- Chức vụ công tác hiện nay: Chuyên viên Phòng Đầu tư và Quản lý vốn Tổng Công ty CP Đầu tư phát triển Xây dựng.
- Số lượng cổ phần được đại diện hoặc sở hữu : 0 CP
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** Thành viên Ban kiểm soát – Bà NGUYỄN THỊ CHÍN**

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/01/1968 Nơi sinh: Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số: 273261025 Ngày cấp: 06/3/2004 Nơi cấp: CA BR-VT
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 163/2 – Hoàng Văn Thụ - P.7 – TP Vũng Tàu
- Số điện thoại liên lạc: 0908743768
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán.
- Quá trình công tác :

+ Từ năm 1989 đến năm 2005: Làm kế toán tại Công ty Xây dựng Dầu khí – Bộ Xây dựng.

+ Từ năm 2005 đến nay: Công tác tại siêu thị thực phẩm - Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC

- Chức vụ công tác hiện nay: Nhân viên siêu thị thực phẩm - Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.

- Số lượng cổ phần được đại diện hoặc sở hữu : 6.659 cổ phần.

- Những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** Thành viên Ban kiểm soát – Bà LÊ PHƯƠNG THẢO**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 22/01/1985
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: 92/9 Phạm Hồng Thái, phường 7, Tp. Vũng tàu
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

  + Từ tháng 09/2007 đến nay: Công tác tại Phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC Corp);

  + Chức vụ công tác hiện nay: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán DIC Corp

- Số cổ phần nắm giữ: Không
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

3./ Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý:

a./ Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích liên quan đến thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý:

Vị trí chức danh	Tiền thù lao	Tiền lương, thưởng, phụ cấp	Tổng cộng:
Ông Nguyễn Văn Hoành - Chủ tịch HĐQT chuyên trách	344.500.000	53.000.000	397.500.000
Ông Trương Vĩnh Tùng - Thành viên HĐQT độc lập	24.000.000	0	24.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hải - Thành viên HĐQT độc lập	24.000.000	0	24.000.000

Vị trí chức danh	Tiền thù lao	Tiền lương, thưởng, phụ cấp	Tổng cộng:
Ông Phạm Văn Thành - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	24.000.000	444.140.000	468.140.000
Ông Phạm Bá Phúc - Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty	24.000.000	383.749.000	407.749.000
Bà Nguyễn Thị Hiền - Trưởng Ban Kiểm soát.	24.000.000	0	24.000.000
Bà Nguyễn Phương Thảo – Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	0	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Chín – Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	0	12.000.000
Ông Đào Thanh Sơn – Kế toán trưởng Công ty.	0	297.995.962	297.995.962
Ông Nguyễn Hữu Dũng – Thư ký HĐQT.	12.000.000	229.260769	241.260.769
Cộng:	**500.500.000**	**1,408,145,731**	**1,908,645,731**

b./ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ từ khi đăng ký giao dịch Upcom: Không.

c./ Hợp đồng hoặc giao dịch của cổ đông nội bộ: Không.

VI./ BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1./ Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Du lịch và thương mại DIC** tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2./ Báo cáo Tài chính được kiểm toán:

a./ Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		**45.334.837.318**	**31.247.805.550**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	**8.504.507.096**	**5.468.733.265**
1. Tiền	111		8.504.507.096	5.468.733.265
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		**-**	**-**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		**22.017.082.700**	**14.041.460.400**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	17.501.469.458	9.706.074.736
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.068.114.023	1.825.147.626
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	4.142.844.428	3.188.514.150
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(714.995.926)	(730.283.399)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6	19.650.717	52.007.287
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	**14.411.363.850**	**11.038.111.801**
1. Hàng tồn kho	141		14.411.363.850	11.038.111.801
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		**401.883.672**	**699.500.084**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	401.883.672	640.466.866
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	59.033.218
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		**135.266.849.028**	**135.013.805.035**
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		**640.144.403**	**357.146.581**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	640.144.403	357.146.581
7.Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**115.087.427.878**	**119.200.308.788**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	106.552.427.878	110.665.308.788
- Nguyên giá	222		169.523.935.793	168.793.614.591
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(62.971.507.915)	(58.128.305.803)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	8.535.000.000	8.535.000.000
- Nguyên giá	228		8.620.680.000	8.620.680.000
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		(85.680.000)	(85.680.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**10.484.971.499**	**2.326.204.607**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	10.484.971.499	2.326.204.607

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	**743.000.000**	**743.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		743.000.000	743.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		**8.311.305.248**	**12.387.145.059**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	8.311.305.248	12.387.145.059
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**180.601.686.346**	**166.261.610.585**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		**58.105.343.379**	**46.850.638.603**
I. Nợ ngắn hạn	310		**50.925.687.245**	**42.812.643.603**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	14.910.236.842	14.098.152.940
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.245.184.980	651.833.642
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.146.173.805	779.872.957
4. Phải trả người lao động	314		7.588.993.588	4.171.387.365
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		30.000.000	1.000.000
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		31.818.182	-
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.423.301.625	1.617.387.561
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	24.458.444.000	21.427.200.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		91.534.223	65.809.138
II. Nợ dài hạn	**330**		**7.179.656.134**	**4.037.995.000**
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	1.469.455.000	1.713.995.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	5.710.201.134	2.324.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		**122.496.342.967**	**119.410.971.982**
I. Vốn chủ sở hữu	410		**122.496.342.967**	**119.410.971.982**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17	112.943.230.000	112.943.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		112.943.230.000	112.943.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.17	(173.000.000)	(173.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17	2.364.141.131	1.987.910.422
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17	7.361.971.836	4.652.831.560
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		418.015.566	(50.052.292)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.943.956.270	4.702.883.852
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		**-**	**-**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**180.601.686.346**	**166.261.610.585**

b./ Báo cáo kết quả hoạt động SXKD :

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.1	349.292.273.910	285.178.650.002
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	VI.2	4.701.945	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**	VI.3	**349.287.571.965**	**285.178.650.002**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	VI.4	264.198.469.442	222.027.713.033
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	**20**		**85.089.102.523**	**63.150.936.969**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**	VI.5	122.459.965	53.494.823
7. Chi phí tài chính	**22**	VI.6	1.531.725.013	2.074.191.244
- *Trong đó:* Chi phí lãi vay	23		1.520.718.330	2.091.795.326
8. Chi phí bán hàng	**24**	VI.7	69.024.171.288	52.269.678.796
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**	VI.8	6.286.284.460	5.738.610.380
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	**30**		**8.369.381.727**	**3.121.951.372**
11. Thu nhập khác	**31**	VI.9	2.072.126.702	3.200.055.615
12. Chi phí khác	**32**	VI.10	1.395.626.958	254.237.801
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**676.499.744**	**2.945.817.814**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**9.045.881.471**	**6.067.769.186**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	VI.11	2.101.925.201	1.364.885.334
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 – 51 - 52)	**60**		**6.943.956.270**	**4.702.883.852**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**70**	VI.12	615	458

c./ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		381.994.110.801	274.591.963.692
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(298.840.304.153)	(238.423.413.211)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(27.999.908.443)	(10.647.785.767)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.520.718.330)	(2.085.645.729)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.971.415.683)	(1.383.191.055)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.043.478.117	48.429.142.334
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(48.441.111.543)	(47.662.158.330)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		**8.264.130.766**	**22.818.911.934**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.855.075.296)	(13.295.218.298)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.681.818	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27		136.683.992	39.655.134

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
được chia				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		**(7.716.709.486)**	**(13.255.563.164)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		46.937.945.134	66.949.629.312
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(40.520.500.000)	(72.003.416.569)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.931.314.060)	(2.835.172.230)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		**2.486.131.074**	**(7.888.959.487)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		**3.033.552.354**	**1.674.389.283**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		**5.468.733.265**	**3.794.343.982**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.221.477	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	**V.1**	**8.504.507.096**	**5.468.733.265**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty được chuyển đổi từ Công ty 100% vốn nhà nước theo Quyết định số 977/QĐ-BXD ngày 05 tháng 07 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng "V/v Chuyển Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty DIC Du lịch thuộc Công ty Đầu tư phát triển – Xây dựng thành Công ty Cổ phần".

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3500592920 (Số cũ 4903000405), đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 07 năm 2014 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 169 đường Thùy Vân, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là Kinh doanh khách sạn; Kinh doanh nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế; Mua bán đồ uống có cồn; Mua bán đồ uống không cồn.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015Công ty có các chi nhánh sau:

Tên	Địa chỉ
Khách sạn Vũng Tàu	Số 169 đường Thùy Vân, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Khách sạn Ngôi sao DIC	Số 169 đường Thùy Vân, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Do ảnh hưởng thay đổi của việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo thông tư 200 so với quyết định 15 và thông tư 244 nên các thông tin so sánh trên báo cáo tài chính kỳ này cũng đã được trình bày lại cho phù hợp với các quy định thông tư 200/2014/TT-BTC.

II./ KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 15 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 15 năm
- Các tài sản khác	05 - 10 năm

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí quản lý doanh nghiệp tối đa không quá 10 năm.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận và theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo.
Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được kế toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.
Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết

khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:
- Khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải chiết khấu thương mại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải chiết khấu thương mại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

20. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

22. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sảnphẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...
Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

23. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

24. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính
Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.
Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính
Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:
- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	1.008.281.939	1.380.679.356
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.460.176.157	4.077.934.515
Tiền đang chuyển	36.049.000	10.119.394
Cộng	**8.504.507.096**	**5.468.733.265**

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2015				01/01/2015			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	10.000	700.000.000	-	700.000.000	10.000	700.000.000	-	700.000.000
Công ty CP TM SABECO trung tâm	4.300	43.000.000	-	43.000.000	4.300	43.000.000	-	43.000.000
Cộng		**743.000.000**	**-**	**743.000.000**		**743.000.000**	**-**	**743.000.000**

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty CP CT Đường ống khí Nam Côn Sơn	833.242.500	-
Công ty TNHH MTV Bason	-	813.620.012
Trường Cao Đẳng Nghề Dầu Khí	9.152.180.000	2.401.700.000
Lý Thị Thu Hương	105.085.000	402.998.000
Lê Công Trà	424.011.048	424.011.048
Phạm Thị Hồng Nhung	334.650.000	-
Tổng Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	113.987.368	156.507.200
Phải thu khác	6.538.313.542	5.507.238.476
Cộng	**17.501.469.458**	**9.706.074.736**

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	113.987.368	156.507.200

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty TNHH TM và DV Đức Hà	-	408.523.200
Công ty TNHH DV Trường Thành Phát	-	593.802.426
Công ty TNHH SX thương mại Phương Hiền	307.700.000	379.700.000
CN Công ty CP TM bia Sài Gòn Miền Đông tại BRVT	200.224.506	324.632.000
Công ty CP Xây dựng và trang trí nội thất Mạnh Thắng	294.602.517	-
Trả trước khác	265.587.000	118.490.000
Cộng	**1.068.114.023**	**1.825.147.626**

5. Phải thu khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	**4.142.844.428**	**3.188.514.150**
Tạm ứng	1.348.004.257	937.926.693
Ký cược, ký quỹ	350.110.000	462.750.000
Phải thu khác	2.444.730.171	1.787.837.457
Tổng Công ty CP bia rượu NGK Sài Gòn	-	20.000.000
Công ty Pepsico Việt Nam	198.287.632	423.595.753
Chi Nhánh Công ty CP TM Sabeco Miền Đông tại Bà Rịa – Vũng Tàu	291.498.131	178.456.020
Ông Trương Quang Vương	80.885	92.992.777

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Phải thu ngắn hạn khác		

Thuế TNCN	13.921.952	14.260.176
BHXH, BHYT, BHTN	155.519.925	174.089.543
Công ty TNHH MTV yến sào Khánh Hòa	-	62.396.142
Công ty cổ phần sữa Việt Nam	1.267.476.741	505.775.120
Nguyễn Văn Bền	376.453.256	166.837.585
Thu đền bù tài sản	335.400	34.253.828
Các khoản phải thu khác	141.156.249	115.180.513
b) Phải thu dài hạn khác	**640.144.403**	**357.146.581**
Ký cược, ký quỹ	640.144.403	357.146.581
Cộng	**4.782.988.831**	**3.545.660.731**

6. Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Hàng tồn kho	19.650.717	52.007.287
Cộng	**19.650.717**	**52.007.287**

7. Hàng tồn kho

	31/12/2015 VND		01/01/2015 VND	
	Giá gốc	**Dự phòng**	**Giá gốc**	**Dự phòng**
Hàng đang đi trên đường	676.283.520	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	609.276.766	-	643.285.687	-
Công cụ, dụng cụ	1.499.531.868	-	690.024.404	-
Hàng hoá	11.567.613.404	-	9.545.118.704	-
Hàng gửi bán	58.658.292	-	159.683.006	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**14.411.363.850**	**-**	**11.038.111.801**	**-**

8. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Khu Resort - Spa 5 sao (XN biển)	-	152.413.236
Sửa chữa Khu 7 tầng Khách sạn Vũng Tàu	9.337.844.407	1.916.974.700
Khu VIP khách sạn Vũng Tàu	943.034.966	52.724.545
Hệ thống xử lý nước thải XN Biển	204.092.126	204.092.126
Cộng	**10.484.971.499**	**2.326.204.607**

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	**137.338.265.470**	**12.898.697.221**	**7.672.256.483**	**6.958.447.045**	**3.925.948.372**	**168.793.614.591**
Mua trong năm	1.355.621.575	36.272.727	319.387.363	385.783.667	130.000.000	2.227.065.332
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.441.169.130)	-	(55.575.000)	-	(1.496.744.130)
Phân loại lại nhóm	924.363.639	(924.363.639)	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**139.618.250.684**	**10.569.437.179**	**7.991.643.846**	**7.288.655.712**	**4.055.948.372**	**169.523.935.793**
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư đầu năm	**34.638.084.537**	**8.813.337.332**	**5.786.577.170**	**5.963.006.816**	**2.927.299.948**	**58.128.305.803**
Khấu hao trong năm	3.814.201.707	515.004.024	421.954.698	270.575.746	180.891.483	5.202.627.658
Thanh lý, nhượng bán	-	(303.850.546)	-	(55.575.000)	-	(359.425.546)
Phân loại lại nhóm	15.406.068	(15.406.068)	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**38.467.692.312**	**9.009.084.742**	**6.208.531.868**	**6.178.007.562**	**3.108.191.431**	**62.971.507.915**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	102.700.180.933	4.085.359.889	1.885.679.313	995.440.229	998.648.424	**110.665.308.788**
Tại ngày cuối năm	101.150.558.372	1.560.352.437	1.783.111.978	1.110.648.150	947.756.941	**106.552.427.878**

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 77.200.901.263 đồng.
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.561.103.797 đồng.
Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:1.483.559.423 đồng.
Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	**8.535.000.000**	**85.680.000**	**8.620.680.000**
Mua trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	**8.535.000.000**	**85.680.000**	**8.620.680.000**
Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư đầu năm	**-**	**85.680.000**	**85.680.000**
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	**-**	**85.680.000**	**85.680.000**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	8.535.000.000	-	**8.535.000.000**
Tại ngày cuối năm	8.535.000.000	-	**8.535.000.000**

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 85.680.000 đồng.

Quyền sử dụng đất có diện tích 1.707 m^2 tại số 265 Lê Hồng Phong (hiện nay là 169 Thùy Vân), phường 8, TP Vũng Tàu với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-120593 ngày 13/07/1996 không xác định thời hạn sử dụng, giá trị được đánh giá lại theo Quyết định 1801/QĐ-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về đánh giá lại giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa. Quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Vũng Tàu.

11. Chi phí trả trước

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	**401.883.672**	**640.466.866**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	262.629.253	263.337.759
Chi phí giới thiệu sản phẩm	26.908.583	-
Chi phí sửa chữa	54.377.580	355.290.420
Chi phí mua bảo hiểm	7.033.934	19.889.518
Chi phí may đồng phục	50.934.322	1.949.169
b) Chi phí trả trước dài hạn	**8.311.305.248**	**12.387.145.059**
Công cụ, dụng cụ xuất dung	3.813.102.502	3.124.384.497
Chi phí sửa chữa thường xuyên	2.097.277.231	4.460.962.496
Lợi thế thương mại	2.400.925.515	4.801.798.066
Cộng	**8.713.188.920**	**13.027.611.925**

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải trả khách hàng Bia rượu, Nước giải khát	5.828.528.308	2.501.490.275
Phải trả khách hàng cung cấp hàng hóa Siêu thị	-	97.349.018
Phải trả khách hàng cung cấp vật tư, tài sản	1.162.922.085	7.809.744.700
Phải trả khách hàng khách sạn Vũng Tàu	4.150.967.982	2.222.690.567
Phải trả khách hàng khách sạn DIC Star	2.050.969.962	1.079.617.690
Phải trả khách hàng Xí nghiệp biển	957.569.612	379.831.449

Các nhà cung cấp khác	759.278.893	7.429.241
Cộng	**14.910.236.842**	**14.098.152.940**

Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	38.850.000	7.476.196.789

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Dịch vụ Chu Du 24	14.195.000	118.645.000
Trung tâm Đào tạo - NC Công nghệ SABECO	122.136.000	-
Trường ĐH Công Nghiệp	453.150.000	-
Công ty TNHH Honour Lane Logistics	115.200.000	-
Các khách hàng khác	540.503.980	533.188.642
Cộng	**1.245.184.980**	**651.833.642**

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	583.845.936	7.205.833.830	6.997.465.775	792.213.991
Thuế tiêu thụ đặc biệt	28.655.514	206.092.752	209.239.852	25.508.414
Thuế thu nhập doanh nghiệp	152.296.947	2.120.929.001	1.971.415.683	301.810.265
Thuế thu nhập cá nhân	15.074.560	213.198.344	142.598.551	26.641.135
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	684.699.589	684.699.589	-
Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	91.377.233	91.377.233	-
Cộng	**779.872.957**	**10.529.130.749**	**10.103.796.683**	**1.146.173.805**

15. Các khoản phải trả khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	**1.423.301.625**	**1.617.387.561**
Tài sản thừa chờ xử lý	5.382.426	353.464
Kinh phí công đoàn	10.495.771	10.080.518
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	23.606.432
Nhận ký quỹ ký cược	330.160.000	186.160.000
Cổ tức phải trả	432.241.060	975.258.220
Phải trả, phải nộp khác	645.022.368	421.928.927
Phải trả Công ty Pepsico	204.958.247	80.945.948
Phải trả Công ty Yến Sào	-	43.250.840
Phải trả hàng khuyến mãi khách hàng mua sữa Vinamilk	142.199.770	-

Phải trả thưởng nhân viên Vinamilk	74.019.859	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	223.844.492	297.732.139
b) Phải trả dài hạn khác	**1.469.455.000**	**1.713.995.000**
Nhận ký quỹ ký cược	1.469.455.000	1.713.995.000
Cộng	**2.892.756.625**	**3.331.382.561**

16. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2015	Trong kỳ		31/12/2015
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	**21.427.200.000**	**42.355.744.000**	**39.324.500.000**	**24.458.444.000**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN, CN Vũng Tàu (1)	19.310.000.000	37.389.000.000	35.803.000.000	20.896.000.000
Nguyễn Thị Tuyết Bình(2)	529.200.000	2.977.648.000	1.933.500.000	1.573.348.000
Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu(3)	588.000.000	588.000.000	588.000.000	588.000.000
Ngô Thị Thanh Châu(4)	1.000.000.000	1.248.000.000	1.000.000.000	1.248.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín, CN Vũng Tàu(5)	-	153.096.000	-	153.096.000
b) Vay dài hạn	**2.324.000.000**	**8.467.297.134**	**5.081.096.000**	**5.710.201.134**
Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (3)	1.324.000.000	-	588.000.000	736.000.000
Ngô Thị Thanh Châu (4)	1.000.000.000	496.000.000	1.496.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN, CN Vũng Tàu(6)	-	7.665.115.316	2.844.000.000	4.821.115.316
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín, CN Vũng Tàu (5)	-	306.181.818	153.096.000	153.085.818
Cộng	**23.751.200.000**	**50.823.041.134**	**44.405.596.000**	**30.168.645.134**

(1) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam, CN Vũng Tàu theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/600331/HĐTD ngày 06/08/2015. Hạn mức tín dụng là 35 tỷ, lãi suất vay 7,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 06/08/2015 đến ngày 06/08/2016. Vay để bổ sung vốn lưu động. Hình thức đảm bảo khoản vay là thế chấp. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 79 tỷ đồng. Số dư nợ vay tại 31/12/2015 là 19.000.000.000 đồng.
Phân loại khoản vay dài hạn về vay ngắn hạn là 1.896.000.000 đồng.

(2) Vay Nguyễn Thị Tuyết Bình theo hợp đồng vay vốn ngày 01/12/2015. Lãi suất vay 0,5%/tháng, thời hạn vay dưới 12 tháng. Vay để bổ sung vốn lưu động. Hình thức đảm bảo khoản vay là tín chấp. Số dư nợ vay tại 31/12/2015 là 1.573.348.000 đồng.

(3) Vay Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu theo hợp đồng vay vốn số 01/2013/HĐVV ngày 20/06/2013. Hạn mức tín dụng là 2,5 tỷ, Lãi suất vay 5,4%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 06/07/2013. Vay để đầu tư hệ thống xử lý nước thải cụm Khách sạn 4 sao DIC Star- Cap Saint Jacques công suất 120m3/ngày thuộc Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC. Hình thức đảm bảo khoản vay là Bảo lãnh của bên thứ 3 là Quỹ Đầu tư phát triển Việt Nam, CN Bà Rịa Vũng Tàu. Số dư nợ vay tại 31/12/2015 là 1.324.000.000 đồng.

(4) Vay Ngô Thị Thanh Châu theo hợp đồng vay vốn ngày 08/12/2014. Lãi suất vay 0,5%/tháng, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày nhận khoản vay đầu tiên. Vay để bổ sung vốn lưu động.

Hình thức đảm bảo khoản vay là tín chấp. Số dư nợ vay tại 31/12/2015 là 1.248.000.000 đồng.

(5) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín, CN Vũng Tàu theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1532400090 ngày 11/12/2015. Số tiền vay là 306.181.818 đồng, lãi suất vay 7%/năm, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 16/12/2015. Vay để thanh toán tiền mua xe tải. Hình thức đảm bảo khoản vay là thế chấp. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 306.181.818 đồng. Số dư nợ vay tại 31/12/2015 là 306.181.818 đồng.

(6) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam, CN Vũng Tàu theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2014/600331/HĐTH ngày 29/12/2014. Lãi suất vay 11%/năm, thời hạn vay là 60 tháng, từ ngày rút vốn đầu tiên là ngày 06/02/2015. Vay để cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, thay thế trang thiết bị, vật dụng cho Khách sạn Vũng Tàu. Hình thức đảm bảo khoản vay là thế chấp. Tổng giá trị tài sản đảm bảo: 79 tỷ đồng. Số dư nợ vay tại 31/12/2015 là 6.717.115.316 đồng.
Phân loại khoản vay dài hạn về vay ngắn hạn là 1.896.000.000 đồng.

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**112.943.230.000**	**-**	**992.797.845**	**977.675.884**	**3.514.598.513**	**118.428.302.242**
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	4.702.883.852	4.702.883.852
Trích lập các quỹ	-	-	-	17.436.693	(122.056.850)	(104.620.157)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.388.296.900)	(3.388.296.900)
Biến động khác	-	(173.000.000)	-	-	(54.297.055)	(227.297.055)
Trình bày lại theo TT 200	-	-	995.112.577	(995.112.577)	-	-
Số dư cuối năm trước	**112.943.230.000**	**(173.000.000)**	**1.987.910.422**	**-**	**4.652.831.560**	**119.410.971.982**
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	6.943.956.270	6.943.956.270
Trích lập các quỹ	-	-	376.230.709	-	(846.519.094)	(470.288.385)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.388.296.900)	(3.388.296.900)
Số dư cuối năm nay	**112.943.230.000**	**(173.000.000)**	**2.364.141.131**	**-**	**7.361.971.836**	**122.496.342.967**

(*) Trong năm 2015, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ-DIC.T&T ngày 22/04/2015.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015 VND	%	01/01/2015 VND	%
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	77.453.730.000	68,58	77.453.730.000	68,58
Công ty TNHH MTV thương mại Sabeco	8.007.490.000	7,09	8.007.490.000	7,09
Cổ đông khác	27.482.010.000	24,33	27.482.010.000	24,33
Cộng	**112.943.230.000**	100	**112.943.230.000**	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	112.943.230.000	112.943.230.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	112.943.230.000	112.943.230.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.388.296.900	3.388.296.900

đ) Cổ phiếu

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.294.323	11.294.323
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.294.323	11.294.323
- *Cổ phiếu phổ thông*	11.294.323	11.294.323
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.294.323	11.294.323
- *Cổ phiếu phổ thông*	11.294.323	11.294.323

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP.

18. Các khoản mục ngoài bản cân đối kế toán

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Tài sản nhận giữ hộ	**1.672.988.940**	**896.665.428**
Tủ lạnh Pepsi (Searen Injevcool)201635	-	6.000.000
Vỏ chai nhận giữ hộ Cty CP TM bia SG Miền Đông	565.070.000	882.747.928
Vỏ chai nhận giữ hộ khách hàng mua bia	2.227.500	2.227.500
Vỏ bình gas - Gas Petrolimex	10.390.000	5.690.000
Sữa Vinamilk	1.095.301.440	-
b) Ngoại tệ các loại		
USD	3.715,25	988,46

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
c) Nợ khó đòi đã xử lý	**9.297.900**	**9.297.900**
Công ty Liên Doanh Hoa Phát	3.882.000	3.882.000
Công ty TNHH Hoàn Hảo	5.415.900	5.415.900

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

		Năm nay VND	Năm trước VND
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**349.292.273.910**	**285.178.650.002**
	Trong đó:		
	- Doanh thu bán hàng	260.404.519.455	224.442.111.451
	- Doanh thu cung cấp dịch vụ	88.887.754.455	60.736.538.551

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu với bên liên quan	**5.238.098.585**	**4.346.893.669**
Tổng Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	5.238.098.585	4.346.893.669

		Năm nay VND	Năm trước VND
2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	**4.701.945**	**-**
	Chiết khấu thương mại	4.701.945	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**349.287.571.965**	**285.178.650.002**
	Doanh thu thuần sản phẩm , hàng hoá	260.399.817.510	224.442.111.451
	Doanh thu thuần dịch vụ	88.887.754.455	60.736.538.551

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	240.029.475.372	207.743.349.893
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	24.168.994.070	14.284.363.140
Cộng	**264.198.469.442**	**222.027.713.033**

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	91.683.992	39.622.134
Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.000.000	8.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.775.973	5.839.689
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	33.000
Cộng	**122.459.965**	**53.494.823**

6. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.520.718.330	2.091.795.326
Lỗ chênh lệch tỷ giá	159.268	2.395.918
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(20.000.000)
Chi phí tài chính khác	10.847.415	-
Cộng	**1.531.725.013**	**2.074.191.244**

7. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	28.509.434.334	22.049.734.776
Chi phí Công cụ dụng cụ	12.286.871.982	12.787.337.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.191.768.224	5.758.043.296
Chi phí nguyên vật liệu	1.908.871.866	630.643.658
Chi phí sữa chữa	2.409.011.827	868.563.125
Chi phí tiền điện nước	5.494.589.511	3.851.443.100
Chi phí khác	13.223.623.544	6.323.913.323
Cộng	**69.024.171.288**	**52.269.678.796**

8. Chi phí quản lý

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên quản lý	2.866.400.360	2.616.620.014
Dự phòng phải thu khó đòi	-	309.204.649
Chi phí khác	3.441.519.975	2.812.785.717
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(21.635.875)	-
Cộng	**6.286.284.460**	**5.738.610.380**

9. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản	1.681.818	-
Thu thanh lý CCDC	23.090.908	169.288.818
Thu đền bù tài sản	5.295.000	9.603.850
Tiền nhận hỗ trợ, chiết khấu, khuyến mãi	2.038.762.645	3.012.490.642
Xóa nợ phải trả	2.287.025	6.724.719
NVL thừa khi kiểm kê	-	1.288.955
Thu nhập khác	1.009.306	658.631
Cộng	**2.072.126.702**	**3.200.055.615**

10. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	937.318.584	-
Chi phí thanh lý TSCĐ	13.110.000	-
Giá trị còn lại của CCDC thanh lý	63.000	125.993.406
Giá trị của hàng hóa thanh lý	49.040.154	-
Các khoản bị phạt	93.297.618	35.555.813
Chi phí thuế các năm trước	129.083.255	-
Thù lao HĐQT, BKS	-	84.000.000
Xóa nợ phải thu	983.100	7.936.102
Chi phí đầu tư khu Spa 5 sao tạm dừng	152.413.236	-
Chi phí khác	20.318.011	752.480
Cộng	**1.395.626.958**	**254.237.801**

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 22% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.045.881.471	6.067.769.186
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh tăng	533.323.988	144.255.059
Các khoản bị phạt	93.297.618	35.555.813
Chi phí thuế các năm trước	129.083.255	
Thù lao HĐQT+BKS	84.000.000	84.000.000
Chi phí Dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.348.402	16.754.664
Chi phí không được trừ	220.594.713	7.944.582
- Các khoản điều chỉnh giảm	25.000.000	8.000.000
Cổ tức	25.000.000	8.000.000
Tổng lợi nhuận tính thuế	9.554.205.459	6.204.024.245
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**2.101.925.201**	**1.364.885.334**

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.943.956.270	4.702.883.852

Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(470.288.385)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(470.288.385)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.943.956.270	5.173.172.237
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.294.323	11.294.323
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**615**	**458**

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.509.450.950	20.479.558.338
Chi phí nhân công	31.385.199.179	24.867.061.443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.202.627.658	5.792.324.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.124.657.427	10.469.107.048
Chi phí khác bằng tiền	17.257.514.604	10.678.773.753
Cộng	**99.479.449.818**	**72.286.825.043**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VÀ CÁC KHOẢN TIỀN DO DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:	1.799.615.000	1.900.155.000
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	330.160.000	186.160.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	1.469.455.000	1.713.995.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thù lao của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị	96.000.000	96.000.000
Ban Kiểm soát	60.000.000	60.000.000

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp DV	5.238.098.585
		Trả trước về cung cấp DV	52.230.000
		Phải trả về cung cấp DV	48.050.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND)
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp DV	113.987.368
		Trả trước về cung cấp DV	52.230.000
		Phải trả về cung cấp DV	(38.850.000)

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Bảng cân đối kế toán	*Số liệu tại ngày 31/12/2014*	*Số liệu tại ngày 01/01/2015 (Trình bày lại)*	*Chênh lệch*	*Ghi chú*
Phải thu ngắn hạn khác	**1.787.837.457**	**3.188.514.150**	**1.400.676.693**	*(1)*
Tạm ứng	-	937.926.693	937.926.693	
Ký quĩ, ký cược ngắn hạn	-	462.750.000	462.750.000	
Phải thu ngắn hạn khác	1.787.837.457	1.787.837.457	-	
Tài sản thiếu chờ xử lý	**-**	**52.007.287**	**52.007.287**	*(2)*
Tài sản ngắn hạn khác	**1.400.676.693**	**-**	**(1.400.676.693)**	
Tài sản thiếu chờ xử lý	52.007.287	-	(52.007.287)	*(2)*
Tạm ứng	937.926.693	-	(937.926.693)	*(1)*
Ký quĩ, ký cược ngắn hạn	462.750.000	-	(462.750.000)	*(1)*
Phải thu dài hạn khác	**-**	**357.146.581**	**357.146.581**	*(3)*
Ký quĩ, ký cược dài hạn	-	357.146.581	357.146.581	
Tài sản dài hạn khác	**357.146.581**	**-**	**(357.146.581)**	*(3)*
Ký quĩ, ký cược dài hạn	357.146.581	-	(357.146.581)	
Vốn chủ sở hữu	**1.987.910.422**	**1.987.910.422**	**-**	*(4)*
Quỹ đầu tư phát triển	992.797.845	1.987.910.422	995.112.577	
Quỹ dự phòng tài chính	995.112.577	-	(995.112.577)	

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	*Số liệu năm 2014*	*Số liệu năm 2015 (Trình bày lại)*	*Chênh lệch*	*Ghi chú*
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	285.511.448.797	285.178.650.002	(332.798.795)	*(5)*
Các khoản giảm trừ	332.798.795	-	(332.798.795)	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	332.798.795	-	(332.798.795)	*(5)*
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	416	458	42	*(6)*

(1) *Trình bày lại khoản tạm ứng, Ký quĩ, ký cược ngắn hạn từ tài sản ngắn hạn khác về phải thu*

ngắn hạn khác theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

(2) *Trình bày lại Tài sản thiếu chờ xử lý từ tài sản ngắn hạn khác về Tài sản thiếu chờ xử lý theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.*

(3) *Trình bày lại khoản Ký quỹ, ký cược dài hạn từ tài sản dài hạn khác về phải thu dài hạn khác theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.*

(4) *Trình bày lại Quỹ dự phòng tài chính về Quỹ đầu tư phát triển theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.*

(5) *Trình bày lại Khoản thuế tiêu thụ đặc biệt giảm trừ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.*

(6) *Điều chỉnh lại Lãi cơ bản trên cổ phiếu theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.*

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

SĐKKD: 3500592920 CT.CP CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI DIC TP.VŨNG TÀU T.BÀ RỊA-VŨNG TÀU

GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Bình